

CHƯƠNG II: LƯU THÔNG CHUNG

Chánh văn:

Phật giảng nói kinh này rồi, các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà- tắc, Ưu-bà-di, tất cả loài trời, loài người, loài A-tu-la nơi thế gian, các vị Bồ-tát, hàng Nhị thừa, Thánh tiên, Đồng tử cõi khác và các Đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, làm lễ lui ra.

** Chú thích:*

Phật giảng nói kinh này xong, tất cả bốn chúng đều rất vui mừng, làm lễ mà lui, chứng tỏ thính chúng đều lãnh hội được lời Phật dạy, vui mừng tuân theo lời Phật dạy mà tự lợi lợi tha.

LỜI SAU CÙNG

Kinh có câu: “Phật dùng một tiếng mà thuyết pháp, chúng sinh mỗi loài đều hiểu được”.

Câu ấy, chẳng những có ý nghĩa là, do trong pháp giới tánh, một tiếng tức là tất cả các tiếng, nên trong một thời Phật thuyết pháp, mỗi người trong thính chúng đều nghe Phật nói bằng thứ tiếng mà mình hiểu được và tùy căn cơ của mỗi người, thuộc về năm chủng tánh khác nhau, lại còn có thể nghe Phật thuyết pháp khác nhau. Câu đó, còn có ý nghĩa là, đồng một câu kinh, câu kệ, mỗi người tùy sức mình, có thể hiểu không giống nhau. Vì thế, khi đọc kinh Phật, chúng ta cần suy xét nghĩa lý đến nơi, đến chốn, suy xét mỗi ngày mỗi sâu thêm, thì mới nhận được ý chỉ của lời Phật dạy.

Bộ Thủ Lăng Nghiêm là một bộ kinh rất quý. Ngài Thiên Thai Trí Giả hàng ngày lễ bái, cầu cho kinh này được truyền sang Trung Quốc. Ngài Bát Lạt Mật Đế đã chép bộ kinh này, trên những tấm lụa mỏng, xẻ thịt giấu trong mình, để có thể đưa sang truyền dạy ở Trung Quốc, tránh được sự ngăn cấm của một nhà vua giấu kinh này trong cung, không cho truyền bá ra ngoài. Ngày nay, chúng ta được học kinh Lăng Nghiêm, là nhờ công đức cao dày của các Tổ sư, đã hy sinh tất cả cho việc truyền bá Phật pháp.

Chư Tổ quý trọng Kinh Thủ Lăng Nghiêm như thế, không phải là không có duyên cớ. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật đã chính nơi tâm chúng sinh, mà chỉ thẳng tánh Diệu chân như của Như Lai tạng, đồng thời, lại cũng đã vì những căn cơ thấp kém, không thể hiểu được đạo lý, chỉ dạy con đường tu hành chắc chắn, tránh khỏi các ma sự. Như thế, kinh Thủ Lăng Nghiêm đáp ứng được với tất cả các căn cơ và phản ảnh được đầy đủ lòng đại từ bi phổ độ chúng sinh của chư Phật.

Trong bản dịch, cũng như trong Đại ý, chúng tôi theo khoa mục của bộ số Trục chỉ Ngài Đôn Hà, để tiện cho các vị học giả.

Theo thiếu kiến của chúng tôi, thì từ quyển 1 đến quyển 3 kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật nương theo căn tánh, mà chỉ thẳng Như Lai tạng tánh. Những căn cơ thuần thực, sau khi quy ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, và thất đại về Như Lai tạng, có thể giải ngộ được Diệu chân như tánh, trong đó, muốn tìm cái gì là mê, là ngộ, là sống, là chết, là thời gian, là không gian, rốt ráo không thể được. Các vị viên ngộ được như thế, thì không thấy phiền não cần

phải trừ, không thấy chân như cần phải chứng, tuy hiện thân là phàm phu, nhưng vẫn đồng một pháp giới tánh với chư Phật, xem cái thân huyễn hóa, cũng như một hóa thân của các Đức Như Lai, nhận được sự đồng thể và phát được những thệ nguyện rộng lớn, đem cái thâm tâm đó mà phụng sự trần sát, rồi theo duyên mà trừ hết những vi tế pháp chấp, đi đến nhập một với Pháp giới tánh.

Đối với những vị, tuy cũng hiểu được chân lý, nhưng chưa thoát khỏi những thói quen phân biệt, nào sinh, nào diệt, nào có, nào không, nào mê, nào ngộ, vân vân..., thì từ đầu quyển 4 đến nửa quyển 5, Phật lần lượt chỉ ra những hư vọng duyên khởi, để phá trừ các pháp chấp ấy và cuối cùng đã kết luận, bằng một bài kệ, chỉ dạy phép “Như huyễn Tam-ma-đề”, tức nơi tướng mà rời cái tướng, tức nơi niệm mà rời cái niệm, làm cho cũng được viên ngộ như các vị trước.

Tuy đã được viên ngộ như vậy, nhưng việc tu thẳng theo Viên giáo, là một điều rất khó, ít ai gánh vác được. Vì thế, từ nửa quyển 5 đến gần hết quyển 6, Phật chỉ dạy những phép tu trực tiếp, để cho người đời tu hành theo và được giải thoát khỏi các sự ràng buộc. Phật đã dạy: “Chúng sinh mê lầm, là do những phân biệt giả dối”. Vậy cần phải đi sâu vào một căn, một giới hay một đại, giải trừ tất cả những thành kiến phân biệt mê lầm, thì mới chứng được Diệu chân như tánh. Hai mươi lăm vị Đại Bồ-tát và Đại A-la-hán đã lần lượt trình bày con đường tu tập và chỗ giác ngộ của mình, để cho mọi người thấy rõ: Phương tiện tuy nhiều, nhưng đồng một mục đích, chỗ tu của các vị tuy có khác nhau, có vị tiệm tu, có vị đốn tu, có vị viên tu, nhưng cuối cùng đều chứng được Diệu chân như tánh. Bài kệ lựa căn của Bồ-tát Văn Thù chỉ rõ thêm đường tu, vì đã nêu ra những mắc mứu cần phải tránh, những khó khăn cần phải vượt, để đi đến viên ngộ. Đến khi, chọn được nhĩ căn, Bồ-tát Văn Thù còn phân tích thêm đường lối tu tập, làm cho đại chúng rõ thêm con đường trở về Bản lai tự tánh. Đối với những căn cơ thuần thực, thì đến đây đã thấu suốt con đường tu hành đi đến nhập một với Pháp giới tánh, không còn nghi hoặc gì nữa.

Lòng từ bi của Phật và của Tôn giả A-nan vô lượng vô biên, nên từ cuối quyển 6, Phật chỉ dạy thêm con đường tu hành cho những người chưa ngộ Chân lý.

Đạo Phật không bỏ sót một ai, có những chúng sinh ngộ, rồi mới tu, và cũng có những chúng sinh tu, rồi mới ngộ. Những chúng sinh ngộ, rồi mới tu, thì theo chánh pháp mà tu hành gọi là Tùy pháp hành, còn những chúng sinh tu, rồi mới ngộ, thì theo chánh tín mà tu hành, gọi là Tùy tín hành.

Việc kiên trì giới cấm, kiến lập đạo tràng, tụng trì tâm chú, là những phương tiện để cho những người chưa ngộ Chân lý, có thể tu tập, đi đến thành đạo chứng quả. Những khó khăn trong việc kiến lập đạo tràng, cốt để củng cố lòng tin của những người tu trì và tác dụng to lớn của tâm chú, chính là những tác dụng to lớn của lòng tin chân chánh và bền chặt.

Từ nửa quyển 7 đến nửa quyển 8, Phật chỉ dạy thêm về những hy vọng duyên khởi, sinh ra thế giới, chúng sinh và nghiệp quả, đồng thời, chỉ dạy đường lối tiệm tu, tiệm ngộ, từ Tam tiệm thứ lên Càn tuệ địa, cho đến Đăng giác Bồ-tát.

Từ nửa quyển 8 cho đến nửa quyển 9, Phật chỉ dạy về nhân quả thế gian, để phân biệt với nhân quả xuất thế gian.

Từ nửa quyển 9 cho đến hết quyển 10, và e những người chưa ngộ đầy đủ Chân lý, lạc vào các đường rẽ, Phật đã từ bi phân tích các ấm ma, làm cho

những người tiệm tu, tiệm ngộ, trong lúc gặp ma cảnh, có thể tự giác, khỏi lạc vào ngoại đạo.

Nói tóm lại, từ nửa quyển 7 cho đến hết quyển 10, Phật đã chỉ dạy tỉ mỉ về nhân quả thế gian và xuất thế gian, chỉ rõ đường lối tu trì về mặt phải, cũng như về mặt trái, để cho mọi người kịp thời tự giác, đi thẳng đến đạo Bồ-đề, về chỗ Vô sở đắc.

Chúng sinh không giác ngộ Nhất chân pháp giới, nên có rất nhiều sở đắc, gây ra phiền não chướng và sở tri chướng. Tu tiến trên con đường Bồ-đề, chúng sinh lần lượt vứt bỏ những sở đắc ấy, từ những sở đắc thô nặng đến những sở đắc nhỏ nhiệm, đi đến không còn một sở đắc nào, thì nhập một với Nhất chân pháp giới sẵn có và thành Chánh giác, thế gọi là chỗ Vô sở đắc.

Phương tiện của Phật thật là rộng lớn, thiển kiến của chúng tôi không thể nào thấu hết được, nay có một số nghi nghĩa, xin trình bày để các độc giả tham khảo:

1. Trong quyển 4, mục 7 - đoạn 6, chúng tôi thấy ba câu về dục tham, sát tham và đạo tham có những chỗ đáng nghi:

a. Mạch kinh đoạn này, chú trọng về những thân nghiệp sát, đạo, dâm, có thể gây ra cho chúng sinh những quả báo đối đãi, trả vay, vay trả cho nhau, thì ba câu này lại nhấn mạnh về tham tâm sở là một ý nghiệp và lại gán ghép thành những danh từ dục tham, sát tham, đạo tham, rất mới lạ.

b. Nếu nói quan hệ giữa các tâm sở với sát, đạo, dâm, mà chỉ nói tham tâm sở thì chưa đủ, cần phải nói đến các căn bản phiền não khác,

một số tùy phiền não và cả một số bất định tâm sở, biệt cảnh tâm sở nữa.

c. Lời lẽ trong 3 câu này, có phần thiếu chính xác, khác với văn kinh ở trước và sau.

d. Ba câu này, không cần thiết, vì hai câu tiếp sau đó, đã nói rõ về quả nghiệp tương tục do sát, đạo, dâm gây ra.

Vì những lẽ ấy, chúng tôi nghi ba câu này là những câu chú thích của người sau, đã bị đưa lầm vào văn kinh.

2. Trong quyển 6, mục 6 - đoạn 1, 2, 3 và 4, bốn lời chỉ dạy quyết định của Phật, là cái tâm không dâm, cái tâm không sát, cái tâm không đạo, cái tâm không vọng, thật rất thích hợp với đường lối tu hành của Đại thừa, nhưng trong chánh văn có những chỗ công kích Tiểu thừa, hoặc cấm cả sữa mà Phật thường dùng, hoặc nói rằng giữ được như thế là giải thoát, lời lẽ có phần quá đáng.

Nếu luận lý như vậy, thì trái với sự thật là nhiều vị tu theo Tiểu thừa, đã chứng Thánh quả và ngược lại, những ngoại đạo tu khổ hạnh, thì không được giải thoát.

Theo đạo Phật, khổ hạnh chỉ là ngoại đạo. Trì giới, cốt nắm giữ thân tâm cho được thanh tịnh, còn giải thoát là kết quả của trí tuệ. Đành rằng, do giới mà sinh định, do định mà phát tuệ, song định, tuệ tuy có quan hệ với giới, nhưng không phải tức là giới. Vì thế, khi chỉ giữ thân giới, mà không giữ tâm giới, thì kết quả không được nhiều lắm. Nếu nói, không có mức, thì cũng như tra muối nhiều quá, tác dụng lại hóa ra không tốt. Vì thế, nên chúng tôi nghi rằng, một vài câu trong đoạn này, do người sau thêm vào, nhất là trong lúc Đại thừa và Tiểu thừa đương công kích lẫn nhau.

3. Đầu quyển 8, mục 6 - đoạn 5, Phật chỉ dạy về ba Tiệm thứ tu hành, là tu tập trừ các trợ nhân, chân tu nạo hết chánh tánh và tăng tiến trái lại hiện nghiệp. Ba đề mục ấy rất rõ ràng. Nếu đối chiếu với những lời Phật dạy từ trước, thì muốn trừ các trợ nhân,

phải chấp trì giới luật, bỏ điều ác để khỏi gây thêm nghiệp dữ và làm cho thân tâm được thanh tịnh. Còn muốn nạo hết chánh tánh của mê lầm, thì cần phải tu theo chánh pháp của Phật, dùng những phép chánh quán mà diệt trừ các hư vọng phân biệt đã ràng buộc chúng sinh trong vòng luân hồi từ vô lượng vô số kiếp. Đến như, muốn trái lại hiện nghiệp, thì phải tinh tiến hơn nữa, phát huy trí tuệ, diệt trừ những ngã chấp, pháp chấp, đi đến chuyển cái nghiệp thức của chúng sinh, thành trí tuệ của chư Phật.

Chúng tôi, không hiểu vì sao trong văn giải thích về ba Tiệm thứ này, phần đầu, thì chỉ nói đến việc đoạn ngũ tân, là một giá giới rất nhỏ, không ảnh hưởng bao nhiêu đến sự tu tập; còn, về nạo hết chánh tánh của mê lầm, thì chỉ nói đến việc trì giới, làm cho người ta hiểu lầm rằng, chánh tánh đây, chỉ là những nghiệp ác mà thôi.

Vì thế, nên chúng tôi nghi, những lời giải thích này, là do người sau đưa vào, hoặc có những văn giải thích khác, bị bỏ sót và bị đảo lộn.

4. Trong những đoạn, nói về nhân quả thế gian, vì đây là những sự tương, nên phần lớn Phật theo học thức hiện thời ở Ấn Độ mà diễn giải, để tránh cái lỗi “Thế gian tương vi”. Chúng tôi trộm nghĩ: Người học đạo, không nên câu chấp các danh từ, các phân loại, vân vân... mà chỉ nên nghiên cứu quan hệ về nhân quả. Ví dụ, như chúng ta cần biết tu phép Thập thiện thì sinh lên các loài trời, sung sướng hơn loài người, hoặc cần biết ly dục thì lên Sắc giới, ly thân thì lên Vô sắc giới, chớ không câu chấp, nhất định có bao nhiêu cõi trời với các tên gọi của nó.

Về các loại khác cũng vậy, học thức Ấn Độ thời ấy, khoa học thời ấy, không cho phép phân loại một cách đích xác được, nên chúng ta chỉ cần hiểu chung chung mà thôi.

Điều cốt yếu, là phải phân biệt rõ ràng, thế nào là nhân quả thế gian, thế nào là nhân quả xuất thế gian, nhất là, phân biệt được, những nhân quả loài trời với những nhân quả giải thoát.

Phương tiện của Phật rất nhiệm mầu, thật không thể đem tâm phân biệt mà luận bàn được. Do sức từ bi của Phật, mỗi chúng sinh, nên nghe pháp nào, thì nghe được pháp ấy. Vì thế nên, tuy Phật không nói một chữ, mà vẫn có rất nhiều kinh điển.

Song vì nghĩ rằng, người học đạo cũng như con ngỗng uống sữa, chỉ thâu thái những điều tinh túy, thích hợp với nhu cầu của mình, nên chúng tôi mới dám trình bày những điều nghi như trên, để các vị học giả tham khảo.

Chúng tôi rất vui mừng, được nhờ ơn Tam bảo, đã dịch và giải thích trọn bộ kinh Thủ Lăng Nghiêm quý báu này.

Đạo lý của Phật rất sâu xa, trí thức của chúng tôi có hạn, chúng tôi rất mong những ý kiến giúp đỡ của các vị đại thiện tri thức.

*Nguyện đem công đức này Hướng về
khắp tất cả
Đệ tử và chúng sinh
Đều trọn thành Phật đạo.*